TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2020/DS-PT

Ngày: 13 - 7 - 2020

V/v tranh chấp "Chia tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Nguyễn Song Bình.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:*** Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp "Chia tài sản chung".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 236/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 288/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng V - sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị Kim Ph - sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị V – sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Lê Thị L - sinh năm 1946 (có mặt);

2/ Nguyễn Thị Hồng L - sinh năm 1971 (vắng mặt);

3/ Nguyễn Phúc V - sinh năm 1996 (vắng mặt);

4/ Lê Thị Hồng L - sinh năm 1990 (vắng mặt);

5/ Võ Thị Bảo V - sinh năm 2006 (vắng mặt);

Đại diện cho cháu Võ Thị Bảo V là bà Võ Thị V - sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, Tiền Giang.

6/ Nguyễn Long Y B - sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

7/ Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT - Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh T (vắng mặt) - Giám đốc Phòng giao dịch G.

8/ Chi cục Thi hành án dân sự huyện G - Đại diện là ông Nguyễn Lâm S - Chi cục Trưởng, có ông Nguyễn Ngọc V - Chấp hành viên, đại diện theo ủy quyền.

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V trình bày:

Ông và bà Võ Thị V chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau đám cưới ông và bà Võ Thị V ở chung bên nhà mẹ ruột của ông là bà Lê Thị L. Đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn nên ông và bà Võ Thị V không liên hệ với nhau, bà Võ Thị V về nhà mẹ ruột sống. Đến năm 1995 ông và bà Võ Thị V hàn gắn tình cảm và cùng nhau sống chung và tách hộ khẩu cất nhà ra riêng ở trên mãnh đất của người cậu. Đến năm 2007 do nhà bị hư hỏng nặng nên mẹ ông là bà Lê Thị L có cho ông và bà Võ Thị V về ở nhờ nhà của bà tại thửa đất số 86, tờ bản đồ 16, diện tích 899,5m^2 do bà L đứng tên. Lúc này ngôi nhà của bà L là nhà xưa kiểu dáng 3 căn. Từ khi ông và bà Võ Thị V về ở chung cho đến nay hoàn toàn không nhập hộ khẩu với bà L. Đến năm 2014 bà L có tiền tích góp và anh em trong gia đình mỗi người có hùn vào cho bà L tiền để xây cất lại căn nhà cho khang trang vui lúc tuổi già. Căn nhà trên thửa đất này khi bà L xây cất thì bà L có sử dụng lại toàn bộ khung nhà cũ, chỉ có xây lại 02 vách tường mới, lát gạch, làm cửa mới nhưng đây là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà L chứ không phải của ông và bà Võ Thị V. Đến năm 2016 do ông và bà Võ Thị V có nhu cầu vay vốn tại Ngân hàng để làm ăn nhưng không có tài sản thế chấp đảm bảo. Lúc này ông có đứng ra nói với bà Lê Thị L sang tên lại cho ông và bà Võ Thị V đứng tên để tiện làm ăn. Bà L thấy phiền phức nhưng do ông năn nỉ quá nên bà L đồng ý làm thủ tục tặng cho thửa đất 86 cho ông và bà Võ Thị V và bà Võ Thị V đại diện đứng tên trong giấy số CH05772 ngày 05/7/2016. Quá trình sau đó, bà Võ Thị V tự ý mượn nợ nần bên ngoài không bàn bạc với ông dẫn đến mất khả năng trả nợ. Hiện nay, Chi cục Thi hành án huyện G đã tổ chức thi hành án đối với các khoản nợ của bà Võ Thị V và xác định tài sản của

bà Võ Thị V chung với ông gồm có căn nhà và các công trình phụ khác xây dựng trên thửa đất số 86. Nhưng việc thi hành án xác định căn nhà là tài sản chung của ông với bà Võ Thị V là không có cơ sở vì căn nhà trên đất là của riêng mẹ ông là Lê Thị L. Ông và bà Võ Thị V chỉ có chung quyền sử dụng đất được mẹ tặng cho là thửa đất số 86, hiện nay đang thế chấp tại ngân hàng S. Nay ông yêu cầu chia đôi tài sản chung giữa ông và bà Võ Thị V là quyền sử dụng đất thửa số 86, tờ bản đồ số 16, diện tích 899,5m^2 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật và đồng ý thanh toán tiền lại cho bà Võ Thị V vì đây là đất gốc của ông bà nên ông muốn giữ lại. Chia đôi trách nhiệm trả nợ vay vốn giữa ông và bà Võ Thị V tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT số tiền gốc là 144.890.000 đồng. Công nhận ngôi nhà cùng các công trình phụ khác xây dựng trên thửa đất 86 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị L.

Bị đơn bà Võ Thị V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng V chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau đám cưới bà và ông Nguyễn Hoàng V ở chung bên nhà mẹ ruột của ông Nguyễn Hoàng V là bà Lê Thị L. Đến năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn nên bà và ông Nguyễn Hoàng V không liên hệ với nhau, bà về nhà mẹ ruột sống. Đến năm 1995 bà và ông Nguyễn Hoàng V hàn gắn tình cảm và cùng nhau sống chung và tách hộ khẩu cất nhà ra riêng ở trên mãnh đất của người cậu. Đến năm 2007 do nhà bị hư hỏng nặng nên mẹ ông Nguyễn Hoàng V là bà Lê Thị L có cho bà và ông Nguyễn Hoàng V về ở nhờ nhà của bà Lê Thị L tại thửa đất số 86, tờ bản đồ 16, diện tích 899,5m^2 do bà Lê Thị L đứng tên. Lúc này ngôi nhà của bà Lê Thị L là nhà xưa kiểu dáng 3 căn. Từ khi bà và ông Nguyễn Hoàng V về ở chung cho đến nay hoàn toàn không nhập hộ khẩu với bà Lê Thị L. Đến năm 2014 bà Lê Thị L có tiền tích góp và anh em trong gia đình mỗi người có hùn vào cho bà Lê Thị L tiền để xây cất lại căn nhà cho khang trang vui lúc tuổi già. Căn nhà trên thửa đất này khi bà Lê Thị L xây cất thì bà Lê Thị L có sử dụng lại toàn bộ khung nhà cũ, chỉ có xây lại 02 vách tường mới, lát gạch, làm cửa mới nhưng đây là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà Lê Thị L chứ không phải của bà và ông Nguyễn Hoàng V. Đến năm 2016 do bà và ông Nguyễn Hoàng V có nhu cầu vay vốn tại Ngân hàng để làm ăn nhưng không có tài sản thế chấp đảm bảo. Lúc này ông Nguyễn Hoàng V có đứng ra nói với bà Lê Thị L sang tên lại cho bà và ông Nguyễn Hoàng V đứng tên để tiện làm ăn. Bà Lê Thị L thấy phiền phức nhưng do ông Nguyễn Hoàng V năn nỉ quá nên bà Lê Thị L đồng ý làm thủ tục tặng cho thửa đất 86 cho bà và ông Nguyễn Hoàng V và bà đại diện đứng tên trong giấy số CH05772 ngày 05/7/2016. Quá trình sau đó, bà tự ý mượn nợ nần bên ngoài không bàn bạc với ông Nguyễn Hoàng V dẫn đến mất khả năng trả nợ. Hiện nay, Chi cục Thi hành án huyện G đã tổ chức thi hành án đối với các khoản nợ của bà và xác định tài sản của bà chung với ông Nguyễn Hoàng V gồm có căn nhà và các công trình phụ khác xây dựng trên thửa đất số 86. Nhưng việc thi hành án xác định căn nhà là tài sản chung của bà và ông

Nguyễn Hoàng V là không có cơ sở vì căn nhà trên đất là của riêng bà Lê Thị L. Bà và ông Nguyễn Hoàng V chỉ có chung quyền sử dụng đất được bà Lê Thị L tặng cho là thửa đất số 86, hiện nay đang thế chấp tại ngân hàng S. Nay ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu chia đôi tài sản chung giữa bà với ông Nguyễn Hoàng V là quyền sử dụng đất thửa số 86, tờ bản đồ số 16, diện tích 899,5m^2 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu được nhận bằng hiện vật và đồng ý thanh toán tiền lại cho bà. Chia đôi trách nhiệm trả nợ vay vốn giữa bà và ông Nguyễn Hoàng V tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT số tiền gốc là 144.890.000 đồng. Công nhận ngôi nhà cùng các công trình phụ khác xây dựng trên thửa đất 86 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị L, phía bà Võ Thị V đồng ý theo yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị L trình bày:

Bà là mẹ ruột của Nguyễn Hoàng V, ông Nguyễn Hoàng V cưới bà Võ Thị V nhưng không đăng ký kết hôn và cắt hộ khẩu ở riêng từ năm 1995, lúc này ông Nguyễn Hoàng V và bà Võ Thị V có căn nhà tạm ở trên thửa đất của người em bà con của bà. Đến năm 2007 do nhà của Nguyễn Hoàng V bị hư hỏng nặng nên bà có cho vợ chồng Nguyễn Hoàng V ở nhờ nhà của bà tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 16, diện tích 988,5m^2 do bà đứng tên. Lúc này ngôi nhà của bà là nhà xưa kiểu dáng 3 căn. Từ khi ông Nguyễn Hoàng V và bà Võ Thị V về ở chung cho đến nay hoàn toàn không nhập hộ khẩu với bà. Đến năm 2014 bà có tiền tích góp và các con trong gia đình mỗi người có hùn vào cho bà tiền để bà xây cất lại căn nhà cho khang trang vui lúc tuổi già. Căn nhà trên thửa đất này khi bà xây cất thì bà có sử dụng lại toàn bộ khung nhà cũ, chỉ có xây lại 02 vách tường mới, lát gạch, làm cửa mới nhưng đây là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà chứ không phải của vợ chồng Nguyễn Hoàng V, Võ Thị V. Đến năm 2016 do vợ chồng Vũ, Vân có nhu cầu vay vốn tại Ngân hàng để làm ăn nhưng không có tài sản thế chấp đảm bảo. Lúc này Vũ có đứng ra nói với bà sang tên lại cho vợ chồng Nguyễn Hoàng V, Võ Thị V đứng tên để tiện làm ăn. Bà thấy phiền phức nhưng do Nguyễn Hoàng V năn nỉ quá nên bà đồng ý làm thủ tục tặng cho thửa đất số 86 cho vợ chồng Nguyễn Hoàng V, Võ Thị V và bà Võ Thị V đại diện đứng tên trong giấy số CH05772 ngày 05/7/2016. Quá trình sau đó, bà Võ Thị V tự ý mượn nợ nần bên ngoài không bàn bạc với ông Nguyễn Hoàng V dẫn đến mất khả năng trả nợ. Hiện nay, Chi cục Thi hành án huyện G đã tổ chức thi hành án đối với các khoản nợ của bà Võ Thị V và xác định tài sản của bà Võ Thị V chung với ông Nguyễn Hoàng V gồm có căn nhà và các công trình phụ khác xây dựng trên thửa đất số 86. Nhưng việc thi hành án xác định căn nhà là tài sản chung của ông Nguyễn Hoàng V với bà Võ Thị V là không có cơ sở vì căn nhà trên đất là của riêng bà. Ông Nguyễn Hoàng V và bà Võ Thị V chỉ có chung quyền sử dụng đất được bà tặng cho là thửa đất số 86, hiện nay đang thế chấp tại ngân hàng S. Nay bà yêu cầu công nhận ngôi

nhà cùng các công trình phụ khác xây dựng trên thửa đất 86 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Long Y B và bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Ông bà là con ruột của bà Lê Thị L, mẹ ông bà có 01 căn nhà kiểu dáng xưa tọa lạc tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 16, diện tích 899,5m^2 ở Bình Nhựt do mẹ ông bà đứng tên, căn nhà này được xây cất cách đây trên 30 năm. Năm 2007 gia đình ông Nguyễn Hoàng V được mẹ ông bà cho ở nhờ chung trong căn nhà, hộ khẩu riêng vì trước đó năm 1997 vợ chồng ông Nguyễn Hoàng V đã ra riêng, có nhà cửa riêng nhưng do nhà hư hỏng mới về ở nhờ nhà của mẹ ông bà. Đến năm 2014 anh em của ông bà thấy nhà mẹ cũ xuống cấp nên các anh em của ông bà bàn với nhau để góp công cho mẹ ông xây cất lại căn nhà khang trang để mẹ vui hưởng tuổi già. Các anh em của ông bà hùn tiền cho mẹ ông bà như sau: ông cho 150.000.000 đồng, Nguyễn Thị Hồng L có bán đất cho 50.000.000 đồng, Lê Văn Th phụ công thợ hồ xây dựng, ngoài ra khoảng tiền còn lại do mẹ ông dành dụm và anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V có bỏ ra 25.000.000 đồng. Căn nhà mới mẹ ông bà xây cất có sử dụng lại toàn bộ khung nhà cũ, chỉ có xây vách tường mới, lát gạch, làm cửa mới. Ông bà khẳng định căn nhà trên đất là của mẹ ông bà chứ không phải chung với bất kỳ ai, nên ông bà đề nghị công nhận căn nhà này là của mẹ ông bà. Hiện ông B vẫn còn hộ khẩu chung nhà, ông B có đi làm ở Vũng Tàu nhưng khi rảnh thời gian thì ông B vẫn về sinh sống chung nhà với mẹ ông bà. Ông bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L và không tranh chấp trong vụ kiện, cũng không khiếu nại gì nếu tòa án công nhận căn nhà này của mẹ ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phúc V, chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Anh chị là con ruột của ông Nguyễn Hoàng V và bà Võ Thị V, anh chị có chung hộ khẩu với ông Nguyễn Hoàng V, bà Võ Thị V. Cha mẹ của anh chị cất nhà ở riêng với bà nội chứ không ở chung, đến năm 2007 nhà của cha mẹ anh chị hư hỏng mục nát, bà nội thấy tội nghiệp không có chổ ở đàng hoàng nên bà có gọi cả gia đình anh chị về ở chung với nội. Anh chị nhớ lúc đó nhà của nội là căn nhà 3 căn, đến năm 2014 bà nội anh chị có dành dụm được tiền và được các chú cho nội tiền để cất nhà khang trang hưởng tuổi già. Anh chị cùng cha mẹ ở nhờ trên nhà của nội chứ hoàn toàn không có công sức cải tạo gì. Vào năm 2016 lúc đó cha mẹ anh chị làm ăn khó khăn nên cha anh chị có xin nội anh chị cho cha anh chị đứng tên đất để vay vốn ngân hàng, khi đó cha mẹ anh chị làm thủ tục thì mẹ anh chị đứng tên. Nội anh chị ký hợp đồng tặng cho để mẹ anh chị đứng tên nhưng anh chị xác nhận đây chính là nội anh chị cho chung cả cha và mẹ vì đây là đất đai thờ phụng ông bà. Với yêu cầu khởi kiện của cha và nội anh chị thì anh chị thống nhất vì nhà của nội anh chị chứ không phải của cha mẹ anh chị, hiện nội anh chị cũng cho ở nhờ trong nhà, anh chị không tranh chấp và anh chị sẽ chấp hành theo quyết định của tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT trình bày:

Căn cứ vào hợp đồng vay vốn số LD1623500007 ngày 20/8/2016 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT - phòng giao dịch G với bà Võ Thị V , ông Nguyễn Hoàng V. Hiện tại ông Nguyễn Hoàng V, bà Võ Thị V thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng vay vốn trên đúng hạn. Việc tranh chấp phân chia tài sản là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 16 diện tích 899,5m^2 quyền sử dụng đất số CH05772 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 05/7/2016 cho bà Võ Thị V đứng tên sử dụng, giữa bà Võ Thị V và ông Nguyễn Hoàng V sẽ do Tòa án nhân dân huyện G giải quyết. Hiện tại tài sản này đang thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay nêu trên. Vì vậy khi phân chia tài sản này đề nghị Tòa án tuyên yêu cầu bà Võ Thị V và ông Nguyễn Hoàng V thanh toán hết tiền vay tại Ngân hàng (gồm nợ gốc + lãi và chi phí phát sinh). Bằng văn bản này Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT - xin không tham dự các phiên tòa xét xử.

*Tại văn bản số 123/CCTHADS ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G về việc cung cấp thông tin thi hành án thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện G đang thụ lý thi hành các bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, bên phải thi hành là bà Võ Thị V, tổng số tiền phải thi hành án theo đơn yêu cầu là 460.924.590 đồng, án phí phải nộp là 18.043.229 đồng. Sau khi thụ lý Chấp hành viên đã vận động thuyết phục bà Võ Thị V tự nguyện thi hành án nhưng đến nay bà Võ Thị V không thi hành. Qua xác minh xác định bà Võ Thị V đang đứng tên riêng thửa đất số 86, tờ bản đồ số 16, diện tích 899,5m^2 loại đất thổ lâu năm (trong đó có 150m^2 đất ở nông thôn), vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05772 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 05/7/2016. Tài sản chung với chồng là ông Nguyễn Hoàng V gồm căn nhà và các công trình xây dựng trên thửa đất số 86. Chi cục Thi hành án dân sự huyện chưa kê biên các tài sản trên để thi hành án đang yêu cầu ông Nguyễn Hoàng V thực hiện quyền khởi kiện phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Hiện Tòa án nhân dân huyện G đang thụ lý vụ án tranh chấp chia tài sản chung nêu trên. Chi cục Thi hành án dân sự huyện đang hoãn thi hành án theo điểm d khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2014) để chờ kết quả xét xử của Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án Chi cục Thi hành án dân sự huyện G đề nghị Tòa án nhân dân huyện G xem xét đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên được thi hành án tránh trường hợp ông Nguyễn Hoàng V, bà Võ Thị V, bà Lê Thị L thỏa thuận tẩu tán tài sản làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của những người được thi hành án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 236/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng:

- Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Áp dụng các Điều 212, 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 59, 61, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi;

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V.

Buộc ông Nguyễn Hoàng V có trách nhiệm giao cho bà Võ Thị V số tiền 224.875.000 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Hoàng V được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 899,5m^2 thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05772 ngày 05/7/2016 do bà Võ Thị V đứng tên tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất đường bê tông

+ Tây giáp đất ông Trần Hoàng C

+ Nam giáp đất ông Trần T

+ Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Hồng Ph

(có sơ đồ kèm theo)

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V về việc chia phần đất thửa số 86 theo tỷ lệ 7/3 (ông Nguyễn Hoàng V 7 phần, bà Võ Thị V 3 phần).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

- Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm giao lại cho bà Võ Thị V số tiền 52.347.500 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bà Lê Thị L được tiếp tục sở hữu ngôi nhà và công trình phụ trên thửa đất số 86 gồm nhà chính bán kiên cố A3 diện tích 114,54m^2 móng cột bê tông, vách tường, kèo đòn tay gỗ, mái lợp tole xi măng, la phong ván ép, nền lát gạch ceramic; nhà bếp cốt xi măng, kèo đòn tay gỗ tạp, vách thiếc + lá, kèo đòn tay gỗ tạp nền xi măng, mái lợp thiếc + lá diện tích 26,64m^2; sân dal nền xi măng, đá 4 x 6 dày 5cm diện tích 36m^2.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc yêu cầu công nhận toàn bộ ngôi nhà và công trình phụ trên thửa đất số 86 là tài sản riêng của bà Lê Thị L.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

- Bà Võ Thị V phải chịu 13.861.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu 13.861.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 1.236.812 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Hoàng V đã nộp theo biên lai số 40210 ngày 19/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên ông Nguyễn Hoàng V còn phải nộp tiếp 12.624.188 đồng.

- Bà Lê Thị L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 27 tháng 11 năm 2019 nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm là công nhận căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 86 cùng toàn bộ tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị L và chia thửa đất số 86 cho ông Nguyễn Hoàng V được nhận phần nhiều hơn theo tỷ lệ 6:4 hoặc 7:3 vì đây là đất gốc của ông bà bên ông Nguyễn Hoàng V, bà Võ Thị V không có công sức tu bổ tạo lập.

* Ngày 27 tháng 11 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm là công nhận căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 86 cùng toàn bộ tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị L.

* Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày, tranh luận:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V, (đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Kim Phượng) tiếp tục giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông và bổ sung yêu cầu chia đôi số nợ vay tại ngân hàng S.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không bổ sung tài liệu chứng cứ gì khác, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà và không buộc tôi trả lại cho bà Võ Thị V số tiền như án sơ thẩm đã tuyên.

- Đại diện theo ủy quyền của cơ quan thi hành án huyện G đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, để đảm bảo quyền lợi của những người được thi hành án đối với các khoản nợ mà bà Võ Thị V có nghĩa vụ thi thi hành án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, diễn biến tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo, tại phiên tòa các đương sự cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh làm cơ sở cho yêu cầu kháng cáo, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét thấy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Hoàng V tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lý do vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V yêu cầu Tòa án chia tài sản chung bởi vì theo thông báo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G đang thụ lý thi hành các bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, bên phải thi hành là bà Võ Thị V, tổng số tiền phải thi hành án theo đơn yêu cầu là 460.924.590 đồng, án phí phải nộp là 18.043.229 đồng. Sau khi thụ lý, qua xác minh xác định bà Võ Thị V đang đứng tên riêng thửa đất số 86, tờ bản đồ số 16, diện tích 899,5m^2 loại đất thổ lâu năm (trong đó có 150m^2 đất ở nông thôn), vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05772 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 05/7/2016. Tài sản chung với chồng là ông Nguyễn Hoàng V gồm căn nhà và các công trình xây dựng trên thửa đất số 86. Chi cục Thi hành án dân sự huyện G chưa kê biên các tài sản trên để thi hành án đang yêu cầu ông Nguyễn Hoàng V thực hiện quyền khởi kiện phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Nguyên đơn cho rằng nhà, tài sản, các công trình phụ trên đất là tài sản của mẹ ông bà Lê Thị L, đối với việc phân chia diện tích đất thì ông phải hưởng nhiều hơn (theo tỷ lệ 6:4 hoặc 7:3). Nhận thấy ông Nguyễn Hoàng V và bà Võ Thị V là vợ chồng dù không đăng ký kết hôn từ năm 1990 đến nay, trong thời kỳ hôn nhân anh Vũ, chị Vân được mẹ ông Nguyễn Hoàng V là bà Lê Thị L tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 86, tờ bản đồ 16, diện tích 899,5m^2 và bà Võ Thị V đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05772 ngày 05/7/2016, việc tặng cho tài sản của bà Lê Thị L là hợp pháp, không có thỏa thuận gì khác, nên xác định tài sản mang tên chị Vân là tài sản chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, không có tài liệu chứng cứ nào xác định tài sản của riêng anh Vũ hay chị Vân hoặc xác định thuộc sở hữu ai nhiều hơn. Do đó, tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì quyền và nghĩa vụ về tài chung của vợ, chồng ngang nhau. Nên yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng V đề nghị Tòa án xem xét chia cho anh nhiều hơn chị Võ Thị V là không có căn cứ để chấp nhận, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu giao nhà, tài sản khác và các công trình phục gắn liền với đất cho bà Lê Thị L (mẹ anh Nguyễn Hoàng V), xét thấy, năm 2014 bà Lê Thị L và các con trong gia đình hùn tiền để bà xây cất lại căn nhà. Căn nhà trên thửa đất này khi bà xây cất thì bà có sử dụng lại toàn bộ khung nhà cũ, chỉ có xây lại 02 vách tường mới, lát gạch, làm cửa mới, trong quá trình sinh sống, xây dựng nhà vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V vẫn có công sức đóng góp xây dựng, tôn tạo, quản lý sử dụng các tài sản này, anh Vũ cho rằng nhà cửa và các công trình phụ gắn liền với đất không phải của vợ chồng anh là không có căn cứ, vì sau khi được bà Lê Thị L tặng cho tài sản, anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V đã thế chấp ngân hàng toàn bộ đất, nhà, tài sản gắn liền với đất để vay vốn, bà Lê Thị L cũng không có ý kiến gì và tài sản này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần SGT số tiền gốc là 144.890.000 đồng. Do đó, việc anh kháng cáo yêu cầu Tòa án xác định nhà và tài sản gắn liền trên đất là tài sản của mẹ anh là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy trong khối tài sản nhà và các công trình phụ gắn liền với đất cũng có một phần giá trị thuộc quyền sở hữu của mẹ anh như do các con cho tiền, sử dụng lại một số vật liệu từ căn nhà cũ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử giao cho bà Lê Thị L sở hữu, ngôi nhà này tọa lạc trên thửa đất số 86, Hội đồng xét xử đã giao cho ông Nguyễn Hoàng V quản lý, sử dụng, ông Nguyễn Hoàng V cũng chấp nhận cho bà Lê Thị L ở trên phần đất này nên bà Lê Thị L có trách nhiệm giao lại cho bà Võ Thị V số tiền 52.347.500 đồng xét thấy có căn cứ đúng pháp luật không trái đạo đức xã hội, bảo đảm được quyền lợi cho bà Lê Thị L.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng V là chia đôi số tiền nợ vay tại ngân hàng S mà anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V vay, xét thấy Ngân hàng S chưa có yêu cầu giải quyết hợp đồng vay giữa ngân hàng và anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V do còn trọng hạn, anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V

trả nợ gốc và lãi đúng hạn, chưa vi phạm hợp đồng. Do đó, hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp giữa ngân hàng và anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V khi có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bà Lê Thị L yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm là công nhận căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 86 cùng toàn bộ tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị L.

Như phân tích ở phần trên, ngôi nhà và công trình phụ trên thửa đất số 86 gồm nhà chính bán kiên cố A3 diện tích 114,54m^2 móng cột bê tông, vách tường, kèo đòn tay gỗ, mái lợp tole xi măng, la phong ván ep, nền lát gạch ceramic; nhà bếp cốt xi măng, kèo đòn tay gỗ tạp, vách thiếc + lá, kèo đòn tay gỗ tạp nền xi măng, mái lợp thiếc + lá diện tích 26,64m^2; sân dal nền xi măng, đá 4 x 6 dày 5cm diện tích 36m^2. Ngôi nhà này bà Lê Thị L, ông Nguyễn Hoàng V, bà Võ Thị V đều cho rằng đây là tài sản riêng của bà Lê Thị L, nguồn tiền xây cất nhà là do ông B cho 150.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hồng L cho 50.000.000 đồng, ông Nguyễn Hoàng V, bà Võ Thị V cho 25.000.000 đồng còn lại do bà Lê Thị L dành dụm mà có. Ngôi nhà được xây dựng trên nền nhà cũ của bà Lê Thị L có sử dụng vật liệu cũ, được xây dựng trước khi bà Lê Thị L tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hoàng V, bà Võ Thị V. Giữa anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V và bà Lê Thị L cũng không có tài liệu gì chứng minh xác định tài sản gắn liền với đất là tài sản của bà Lê Thị L, việc bà Lê Thị L cho anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V tài sản này khi đã xây dựng nhà xong. Do đó, trong quá trình xây dựng và bảo quản, tôn tạo tài sản vẫn có công sức đóng góp của anh Nguyễn Hoàng V, chị Võ Thị V.

Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định ngôi nhà này có 1/2 giá trị ngôi nhà là tài sản chung của ông Nguyễn Hoàng V, bà Võ Thị V còn 1/2 là của bà Lê Thị L là đã có xem xét quyền lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị L.

Do phần giá trị tài sản xác định cho bà Lê Thị L nhiều hơn nên Hội đồng xét xử giao cho bà Lê Thị L sở hữu ngôi nhà này tọa lạc trên thửa đất số 86, đồng thời giao cho anh Nguyễn Hoàng V phần tải sản là diện tích vì anh Nguyễn Hoàng V sinh sống chung với bà Lê Thị L giao cho ông Nguyễn Hoàng V quản lý, sử dụng trả phần giá trị đất cho chị Võ Thị V là hợp lý trong quá trình quản lý, sử dụng. Nên bà Lê Thị L có trách nhiệm giao lại cho bà Võ Thị V số tiền 52.347.500 đồng. Như vậy yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Đối với ông Nguyễn Hoàng V không yêu cầu bà Lê Thị L giao lại một phần giá trị ngôi nhà nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này ông Nguyễn Hoàng V và bà Lê Thị L có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những căn cứ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L là không có căn cứ, nên không có cơ sở

chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà. Cần giữ y nội dung xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

[5] Đối với số tiền bà Võ Thị V được chia thì ông Nguyễn Hoàng V, bà Lê Thị L có trách nhiệm giao tiền cho bà Võ Thị V tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang để thi hành các khoản nợ mà bà Võ Thị V có trách nhiệm thi hành, tránh tình trạng tẩu tán tài sản của người phải thi hành án.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Do yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng V không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm;

- Đối với bà Lê Thị L do bà là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định, nên bà không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 212, 213, 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 59, 61, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 2 Luật người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 236/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V.

Buộc ông Nguyễn Hoàng V có trách nhiệm giao cho bà Võ Thị V số tiền 224.875.000 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Hoàng V được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 899,5m^2 thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 16 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05772 ngày 05/7/2016 do bà Võ Thị V đứng tên tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất đường bê tông

+ Tây giáp đất ông Trần Hoàng Ca

+ Nam giáp đất ông Trần T

+ Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Hồng Ph

(có sơ đồ kèm theo)

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V về việc chia phần đất thửa số 86 theo tỷ lệ 7/3 (ông Nguyễn Hoàng V 7 phần, bà Võ Thị V 3 phần).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

- Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm giao lại cho bà Võ Thị V số tiền 52.347.500 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bà Lê Thị L được tiếp tục sở hữu ngôi nhà và công trình phụ trên thửa đất số 86 gồm nhà chính bán kiên cố A3 diện tích 114,54m^2 móng cột bê tông, vách tường, kèo đòn tay gỗ, mái lợp tole xi măng, la phong ván ép, nền lát gạch ceramic; nhà bếp cốt xi măng, kèo đòn tay gỗ tạp, vách thiếc + lá, kèo đòn tay gỗ tạp nền xi măng, mái lợp thiếc + lá diện tích 26,64m^2; sân dal nền xi măng, đá 4 x 6 dày 5cm diện tích 36m^2.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc yêu cầu công nhận toàn bộ ngôi nhà và công trình phụ trên thửa đất số 86 là tài sản riêng của bà Lê Thị L.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tuc đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị V phải chịu 13.861.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu 13.861.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 1.236.812 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Hoàng V đã nộp theo biên lai số 40210 ngày 19/04/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên ông Nguyễn Hoàng V còn phải nộp tiếp 12.624.188 đồng.

- Bà Lê Thị L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0016111 ngày 27/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, xem như đã thi hành xong tiền án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

DSPT-2020-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Hiệp